

Bản án số: 09/2020/HSST
Ngày: 04/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Giới

2. Ông Điều Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Loan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 04/12/2020 tại Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thanh T (Tiến), sinh năm 1989, tại Bình Phước.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 7, ấp S, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn) 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th (chết) và bà Phạm Thị H (1968); bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: 01 (Bản án số 204/2018/HSST ngày 03/8/2018 Tòa án nhân dân Thành phố D, tỉnh Bình D xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành án xong ngày 26/4/2019, thực hiện đóng án phí, chưa đóng tiền bồi thường, chưa xóa tích). Về nhân thân: 1/ Bản án số 71/2016/HSST ngày 15/5/2006 Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã xóa án tích; 2/ Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2007/HSST ngày 31/12/2007 Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã xóa án tích. Ngày 03/5/2020 bị cáo Tú đầu thú và bị tạm giữ, ngày 12/5/2020 khởi tố và chuyển tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Bị hại:

1. **Nguyễn Thành Ch**, sinh năm 1990 (Có mặt)
Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, khu phố P, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.
 2. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố H, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước.
 3. **Nguyễn Thế S**, sinh năm 1989 (Có mặt)
Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, ấp 1B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bình Phước.
 4. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963 (Vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, khu phố X, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước.
 5. **Nguyễn Minh Q**, sinh năm 1940 (Có mặt)
Hộ khẩu thường trú: ấp 1B, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước.
 6. **Phan Văn H**, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, ấp 6, xã H, thành phố M, tỉnh Bình Phước.
 7. **Trần Lê V**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Khu phố P, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.
 8. **Phạm Đình Ng**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, ấp 3A, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Nguyễn Hồng Đ**, sinh năm 1966 (Vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: ấp 8, xã T, huyện Q, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/8/2019 đến ngày 22/4/2020, Trần Thanh T đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 21/08/2019, T thuê anh Nguyễn Thành Ch điều khiển xe mô tô Honda Wave màu vàng - đen - bạc, biển số 93C1-081.35 chở Trần Thanh T đi chơi. T nảy sinh chiếm đoạt xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài nên khi chạy

đến đoạn đường thuộc khu phố X, phường C, T giả vờ nói với anh Ch đưa xe mô tô cho T mượn đi đến nhà chị của T để lấy tiền. Anh Ch tưởng thật đồng ý giao xe cho T rồi đứng đợi. T nhận được xe mô tô chạy đến huyện N cầm cố cho người tên Long (không rõ lai lịch) được 4.000.000đ (bốn triệu đồng), T tiêu xài hết. Anh Ch đứng đợi không thấy T trả xe nên tố cáo với Công an phường C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 05/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B, kết luận: “Xe mô tô biển số 93C1-081.35 loại Wave đã qua sử dụng, có giấy chứng nhận đăng ký hợp pháp trị giá 12.000.000đ (mười hai triệu đồng)”.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ, không rõ ngày khoảng giữa tháng 12/2019, Trần Thanh T không có tiền nhưng muốn đi công việc nên Tú thuê anh Nguyễn Văn D điều khiển xe ô tô chở T đi từ xã G, huyện Q đến khu công nghiệp Minh Hưng thuộc huyện C, sau đó quay về khu vực phường C, thị xã B với số tiền thuê xe 900.000đ (chín trăm nghìn đồng). Anh D chở T đi đến huyện C và quay về khu vực lô cao su thuộc khu phố X, phường C, Tú nói với anh D dừng xe để Tú vào nhà lấy tiền ra trả. Anh D tưởng thật nên dừng xe ngồi chờ. T đi vào lô cao su rồi bỏ đi mất.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ, ngày 23/02/2020, Trần Thanh T uống cà phê cùng Nguyễn Thế D nhìn thấy D có xe mô tô Honda Vision màu xanh - nâu - đen, biển số 93C1-255.24 nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe. T nhờ D chở về nhà Tú. D điều khiển xe Vision chở T, trên đường đi ngang tổ 07, ấp S, phường C, Tú nói D đứng đợi để T vào nhà bạn lấy đồ rồi đi tiếp, D tưởng thật đưa xe Vision cho T rồi đứng đợi. T điều khiển xe đến huyện Đ gặp bạn là Huỳnh Ngô K nói là xe của T nhờ K bán dùm. K đem xe đi bán cho 02 thanh niên (không rõ lai lịch) rồi đưa cho T 8.000.000đ (tám triệu đồng), T tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL - HĐĐGTS ngày 04/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B kết luận: “Xe mô tô biển số 93C1-255.24 loại Vision màu xanh - đen - nâu đã qua sử dụng, có giấy chứng nhận đăng ký hợp pháp trị giá 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng)”.

Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ ngày 24/02/2020, anh Nguyễn Văn T chạy xe ôm chở Trần Thanh T đi theo yêu cầu của T. Khi đến khu vực lô cao su thuộc ấp S, phường C, T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của anh Tới nên giả vờ nói với anh T cho T mượn điện thoại gọi cho bạn. Anh T tưởng thật đưa điện thoại di động hiệu Nokia 320 màu đen - xám, có sim số 0983.712135, thẻ nhớ 01GB cho T. T nói anh T dừng xe lại, T giả vờ vừa gọi điện vừa đi bộ vào trong lô cao su. Sau đó T gặp Trần Văn P chở T đến gặp chị Nguyễn Hồng Đ, Tú cầm cố điện thoại cho chị Đ được 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 06/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B kết luận: “Một máy điện thoại Nokia 320 màu

đen - xám, 01 sim số 0983712135, 01 thẻ nhớ dung lượng 01GB trị giá 690.000đ (sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Lần thứ năm: Khoảng 20 giờ ngày 18/04/2020, anh Nguyễn Minh Q chạy xe ôm chở Trần Thanh T đi từ huyện N về thị xã B. T nhìn thấy anh Q có sử dụng điện thoại nên khi đi đến ấp S, phường C, thị xã B thì T giả vờ nói với anh Q cho mượn điện thoại gọi người nhà ra lấy tiền trả. Anh Q tưởng thật nên đưa điện thoại Samsung J6 màu xám bên trong có hai sim điện thoại cho T. T cầm điện thoại vừa bấm số vừa đi vào cổng nhà người dân ven đường rồi đi ra phía sau nhà đi mất. Anh Q chờ không được nên đi về. Đến ngày 19/04/2020, T đem điện thoại chiếm đoạt đến cửa hàng điện thoại Hoàng Hải bán cho anh Nguyễn Hoàng Hải D được 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 18/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B kết luận: “Một máy điện thoại Samsung J6 cùng 02 sim số 0338888336 và 0918104148 bên trong máy trị giá 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

Lần thứ sáu: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 19/04/2020, Trần Thanh T thuê anh Phan Văn H chạy xe taxi chở Tú đi từ thành phố M về thị xã B với giá tiền là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Trên đường đi T thấy anh H có điện thoại Samsung A20, T muốn chiếm đoạt nên giả vờ hỏi mượn điện thoại của anh H để nghe nhạc, anh H tưởng thật đưa điện thoại cho T mượn. Khi đến khu vực thuộc khu phố X, phường C, thị xã B, T giả vờ nói đã đến nơi vào nhà lấy tiền trả tiền xe, anh H dừng xe lại. T cầm theo điện thoại của anh H đi vào bên hông nhà dân ven đường vòng ra phía sau bỏ trốn. Sau đó T đem điện thoại bán cho anh Vũ Văn S được 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), tiêu xài hết. Anh H chờ không thấy T nên tố cáo với Công an phường C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 06/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B kết luận: “Một máy điện thoại Samsung A20 có ốp lưng bằng nhựa, 01 sim số 0329537181, trị giá 1.770.000đ (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Lần thứ bảy: Khoảng 06 giờ ngày 22/04/2020, Trần Thanh T đang ở chơi nhà anh Hoàng Văn L thuộc khu phố X, phường C, thị xã B thì có Trần Lê V điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 93C1-142.12 đến. T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của V nên giả vờ nói với V cho mượn xe đi mua đồ ăn sáng, V giao xe cho T, T điều khiển xe chạy đi lên huyện Đ cầm xe cho người tên Q được 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL - HĐĐGTS ngày 04/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B, kết luận: “Xe mô tô biển số 93C1-142.12 loại Sirius màu đỏ - đen đã qua sử dụng, có giấy chứng nhận đăng ký hợp pháp trị giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Lần thứ tám: Ngoài ra còn xác định được khoảng 19 giờ, ngày 17/12/2019, Trần Thanh T cùng Phạm Đình Ng, Nguyễn Thị Ngọc Tr và Phạm Đình H uống rượu tại quán Heo Sữa thuộc tổ 4, ấp 3B, xã N, huyện C. Nhìn thấy anh Ng có xe mô tô Honda Winner, biển số 93B1-229.47 nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt. T nói với anh Ng điều khiển mô tô chở T về nơi ở tại nhà trọ thuộc tổ 8, ấp 3B, xã N. Khi về đến nơi T giả vờ nói anh Ng cho mượn xe để đi đến nhà bạn lấy tiền về xài. T thật anh Ng giao xe cho T. T điều khiển xe mô tô đến gặp bạn là Đoàn Minh Hùng nhờ cầm cố xe giúp, H nhờ Đinh Văn L cầm cố chiếc xe cho người không rõ được 8.000.000đ (tám triệu đồng), Đinh Văn L đưa tiền cho Hg, H cho L 1.000.000 đ (một triệu đồng), T cho H 1.000.000đ (một triệu đồng), H trả tiền xe ôm 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và H đưa cho T 5.900.000đ (năm triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KLĐG-HĐĐGTS ngày 26/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: “Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, biển số 93B1-229.47 tại thời điểm xảy ra vụ án trị giá là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản mà Trần Thanh T chiếm đoạt là: **88.660.000đ** (Tám mươi tám triệu đồng sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 16/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố Trần Thanh T (*Tiến*) về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Trần Thanh T (*Tiến*) từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã B,

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện tội phạm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được.

[3] Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 21/8/2019 đến ngày 22/4/2020 Trần Thanh T đã bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của 08 bị hại gồm Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Q, Phan Văn H, Trần Lê V và Phạm Đình Ng. Tổng giá trị tài sản mà Trần Thanh T chiếm đoạt là: 88.660.000đ (Tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5] Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét về nhân thân bị cáo có tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa xóa án tích và hai lần bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản, mặc dù đã xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội, bị cáo nghiện ma túy và không có việc làm ổn định, bị cáo từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Cần xử phạt tù có thời hạn để có tác dụng răn đe và giáo dục chung.

[6] Đối với vật chứng của vụ án:

- 01 xe Honda Wave màu vàng - đen - bạc, biển số 93C1- 081.35 của bị hại Nguyễn Thành Ch; 01 xe Honda Vision màu xanh - đen - nâu, biển số 93C1-255.24 của bị hại Nguyễn Thế S; 01 xe Sirius màu đỏ - đen, biển số 93C1-142.12 của bị hại Trần Lê V; 01 xe Winer màu trắng - đen, biển số 93B1-229.47 của bị hại Phạm Đình Ng sau khi chiếm đoạt Trần Thanh T đã bán, cầm cố, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh, làm việc nhưng không thu hồi được.

- 01 máy điện thoại Samsung J6 của bị hại Nguyễn Minh Q sau khi chiếm đoạt Trần Thanh T bán cho anh Nguyễn Hoàng Hải D, do anh D làm nghề mua bán điện thoại thường xuyên mua bán không rõ có mua điện thoại của T hay không nên không có cơ sở thu hồi.

- 01 điện thoại Samsung A20 của bị hại Phan Văn H sau khi chiếm đoạt Trần Thanh T đã bán cho anh Vũ Văn S, anh S không biết điện thoại do chiếm đoạt mà có đã bán cho người không rõ nhân thân nên không có cơ sở thu hồi.

- 01 điện thoại Nokia 320 của bị hại Nguyễn Văn T, sau khi chiếm đoạt Tú bán cho bà Nguyễn Hồng Đ, bà Đào đã giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bình Long đã trả lại cho ông Nguyễn Văn T đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Thành Ch yêu cầu bị cáo bồi thường 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tương đương trị giá chiếc xe Honda Wave bị chiếm đoạt; bị hại Trần Lê V yêu cầu bị cáo bồi thường 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tương đương giá trị chiếc xe Yamaha Sirius bị chiếm đoạt; bị hại Nguyễn Thế S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) tương đương giá trị chiếc xe Vision; bị hại Phạm Đình Ng yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) tương đương giá trị chiếc xe Honda, loại Winer; bị hại Nguyễn Minh Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) là giá trị điện thoại Samsung J6 bị chiếm đoạt; chị Nguyễn Hồng Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành Ch 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); bồi thường cho bị hại Trần Lê V 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); bồi thường cho bị hại Nguyễn Thế S 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng); bồi thường cho bị hại Phạm Đình Ng 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh Q 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Hồng Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xét thấy việc đồng ý bồi thường của bị cáo là tự nguyện nên cần ghi nhận.

- Bị hại Phan Văn H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn D không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

[8] Những vấn đề liên quan:

Đối với Huỳnh Ngô Tạo, Vũ Văn Sang, Lê Quang Quân, Nguyễn Hữu (Quần), Võ Hồ Luân, Trần Tấn Phát, Nguyễn Hồng Đ, Đoàn Minh Hùng, Đinh Văn Lên có liên quan đến việc mua bán, cầm cố các tài sản từ Trần Thanh T nhưng không biết các tài sản này do Tú chiếm đoạt của người khác mà có nên không xử lý hình sự.

[9] Kiểm sát viên đề nghị hình phạt tù cho bị cáo là phù hợp, đúng quy định nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T (*Tiến*) phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T (*Tiến*) 04 (bốn) năm tù, tính từ ngày 03/5/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành Ch số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); bồi thường cho bị hại Trần Lê V số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); bồi thường cho bị hại Nguyễn Thế S số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng); bồi thường cho bị hại Phạm Đình Ng số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh Q số tiền 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Hồng Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và nộp 4.775.000đ (bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX. Bình Long;
- CQCSĐT CA TX. Bình Long;
- Chi cục THA TX Bình Long;
- Phòng PV27 – CA tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo và đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đức